

Số: 21/2018/DS-ST

Ngày: 12-4-2018

V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Đức

Bà Hà Thị Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TLST-DS ngày 22/01/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/QĐ-ST ngày 07/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Đệ Q – Phó trưởng phòng Kế hoạch và Kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh huyện B (theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2018); địa chỉ khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1972; địa chỉ ấp K, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.2. Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Đệ Q trình bày:

Nguyên ông Nguyễn Văn C1 có vay vốn tại Ngân hàng N – chi nhánh huyện Ba Tri theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013: số tiền vay là 300.000.000 đồng; mục đích vay mua 01 tàu cá, thay 01 hộp số, tiếp, láp, chân vịt; giải ngân ngày 05/7/2013; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ: 5 kỳ, mỗi kỳ 60.000.000 đồng; ngày trả nợ cuối cùng: 01/7/2018; lãi suất 13%/năm, loại lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn: 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận.

- Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014: số tiền vay là 2.500.000.000 đồng; mục đích vay mua 02 tàu cá; giải ngân ngày 29/8/2014; thời hạn vay 72 tháng; kỳ hạn trả nợ: 23 kỳ, mỗi kỳ 110.000.000 đồng; ngày trả nợ cuối cùng: 19/8/2020; lãi suất 12%/năm, loại lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn: 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Bảo đảm tiền vay thực hiện theo các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 10.01.28.6029/HĐTC ngày 04/5/2010: tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn C1 tại thửa đất 79, tờ bản đồ 21, loại đất ONT, CLN, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre;

- Hợp đồng thế chấp số 45.2014.222/HĐTC ngày 28/8/2014: tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn C1 tại thửa đất 873, tờ bản đồ 21, loại đất ONT, CLN, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre;

- Hợp đồng thế chấp số 45.2015.029/HĐTC ngày 11/5/2015: tài sản thế chấp là:

+ Tàu cá hiệu P, số đăng ký: BT-97073-TS, đặc điểm kỹ thuật: loại tàu cá; năm đóng: 2007; công dụng: khai thác thủy sản; nơi đóng: tỉnh T; chiều dài lớn nhất: 22,05m; chiều rộng lớn nhất: 6,04m; chiều cao mạn: 3,25m; chiều chìm: 2,80m; mạn khô: 0,45 m; vật liệu vỏ: gỗ-Compozite; tổng dung tích: 92; sức chở tối đa: 55,1 tấn; máy chính: hiệu Mitsubishi S6R, số máy 65545, công suất 898, nơi chế tạo Nhật Bản; giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 505/14 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bến Tre cấp ngày 11/9/2014;

+ Tàu cá hiệu P, số đăng ký: BT-97037-TS, đặc điểm kỹ thuật: loại tàu cá; công dụng: khai thác thủy sản; chiều dài lớn nhất: 17,20m; chiều rộng lớn nhất: 4,60m; chiều cao mạn: 1,95m; chiều chìm: 1,50m; mạn khô: 0,45 m; vật liệu vỏ: gỗ; tổng dung tích: 33; sức chở tối đa: 19,6 tấn; máy chính: hiệu Hino 10V26C, số máy A10160, công suất 450, nơi chế tạo Nhật Bản; giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 504/14 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bến Tre cấp ngày 11/9/2014.

Các hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Đến các kỳ hạn trả nợ: ngày 25/02/2017, số tiền gốc 109.021.151 đồng và tiền lãi phát sinh; ngày 25/5/2017, số tiền gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh (theo HĐTD số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014); ngày 10/7/2017, số tiền gốc 60.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh (theo HĐTD số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013), Ngân hàng có yêu cầu ông C1 thanh toán nợ và ông C1 đã có cam kết thanh toán nợ nhưng không thực hiện. Hiện tại, ông C1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm

hợp đồng tín dụng do vi phạm thỏa thuận trả nợ theo định kỳ. Do đó, Ngân hàng chấm dứt hợp đồng, thu hồi toàn bộ số tiền gốc đã cho vay (kể cả nợ chưa đến hạn trả) và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày 30/11/2017, ông C1 còn nợ tại Ngân hàng tổng số tiền là 1.976.020.177 đồng. Cụ thể:

- HĐTD số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013: vốn gốc 120.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.960.000 đồng, lãi quá hạn 1.251.250 đồng.
- HĐTD số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014: vốn gốc 1.649.021.151 đồng, lãi trong hạn 180.763.632 đồng, lãi quá hạn 9.024.144 đồng.

Qua quá trình làm việc, ông C1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tự nguyện giao các tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý theo phương thức bán đấu giá dẫn đến các bên không thể thương lượng để tự giải quyết tranh chấp nên Ngân hàng buộc phải khởi kiện tại Tòa án. Do đó, nay Ngân hàng yêu cầu như sau:

- Đình chỉ thực hiện Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014. Buộc ông C1 và bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N (do chi nhánh huyện B, Bến Tre đại diện nhận) tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/11/2017 là 1.976.020.177 đồng và tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 01/12/2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

- Trường hợp ông C1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay nêu trên để thanh toán hết nợ.

** Tại bản tự khai ngày 01/3/2018 và trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn C1 trình bày:*

Ông thừa nhận có tự nguyện ký kết với Ngân hàng N (chi nhánh huyện B, tỉnh Bến Tre) Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014 để vay tổng số tiền 2.800.000.000 đồng. Những nội dung thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng cũng như những tài sản được dùng để bảo đảm cho khoản vay trên ông cũng thống nhất với trình bày của nguyên đơn. Trong đó, các giao dịch thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Sau khi vay, do công việc làm ăn gặp khó khăn nên ông không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Tính đến ngày 30/11/2017, ông còn nợ tại Ngân hàng tổng số tiền là 1.976.020.177 đồng. Cụ thể: HĐTD số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013: vốn gốc 120.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.960.000 đồng, lãi quá hạn 1.251.250 đồng; HĐTD số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014: vốn gốc 1.649.021.151 đồng, lãi trong hạn 180.763.632 đồng, lãi quá hạn 9.024.144 đồng. Nay ông đồng ý trả tổng số nợ trên cho Ngân hàng theo hình thức trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tại các điều 70, 71 BLTTDS và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thể hiện việc chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án đủ điều kiện đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014. Trong đó, nguyên đơn cho ông C1 vay tổng số tiền 2.800.000.000 đồng. Và để bảo đảm cho hai hợp đồng tín dụng trên, nguyên đơn và ông C1, bà T, anh C2 tham gia ký kết hợp đồng thế chấp số 10.01.28.6029/HĐTC ngày 04/5/2010, hợp đồng thế chấp số 45.2014.222/HĐTC ngày 28/8/2014 và hợp đồng thế chấp số 45.2015.029/HĐTC ngày 11/5/2015. Theo đó, ông C1 là người trực tiếp ký kết hợp đồng nhưng bà T và anh C2 cũng đã tự nguyện tham gia ký kết. Sau khi vay, ông C1 có trả một phần nợ. Tuy nhiên, tính đến ngày 30/11/2017, ông C1 còn nợ lại tổng số tiền 1.976.020.177 đồng. Trong đó: vốn gốc 1.769.021.151 đồng, lãi trong hạn 196.723.632 đồng, lãi quá hạn 10.275.394 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đối với ông C1 yêu cầu đình chỉ thực hiện Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014; buộc ông C1 và bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N (do chi nhánh huyện B, Bến Tre đại diện nhận) tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/11/2017 là 1.976.020.177 đồng và tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 01/12/2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ; trường hợp ông C1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay nêu trên để thanh toán hết nợ. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, trong quá trình tố tụng, ông C1 thừa nhận có vay và còn nợ số tiền trên. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Mặt khác, do ông C1 vay là để phát triển kinh tế nên bà T phải có trách nhiệm liên quan. Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn C1, bà Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn C2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc

đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/11/2017 là 1.976.020.177 đồng. Cụ thể: HĐTD số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013: vốn gốc 120.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.960.000 đồng, lãi quá hạn 1.251.250 đồng; HĐTD số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014: vốn gốc 1.649.021.151 đồng, lãi trong hạn 180.763.632 đồng, lãi quá hạn 9.024.144 đồng và tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 01/12/2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ; trường hợp ông C1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay nêu trên để thanh toán hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy. Trong quá trình tố tụng, ông C1 hoàn toàn thừa nhận có tự nguyện ký kết với Ngân hàng N (chi nhánh huyện B, tỉnh Bến Tre) Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014 để vay tổng số tiền 2.800.000.000 đồng. Những nội dung được thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng, ông C1 cũng thống nhất với trình bày của nguyên đơn. Và để bảo đảm cho tiền vay, ông C1 và bà T, anh C2 đã tự nguyện ký kết với nguyên đơn hợp đồng thế chấp số 10.01.28.6029/HĐTC ngày 04/5/2010, hợp đồng thế chấp số 45.2014.222/HĐTC ngày 28/8/2014 và hợp đồng thế chấp số 45.2015.029/HĐTC ngày 11/5/2015 để thế chấp các tài sản sau: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông C1 tại thửa đất 79, tờ bản đồ 21, loại đất ONT, CLN, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông C1 tại thửa đất 873, tờ bản đồ 21, loại đất ONT, CLN, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; tàu cá hiệu P, số đăng ký: BT-97073-TS, có đặc điểm kỹ thuật: loại tàu cá, năm đóng: 2007, công dụng: khai thác thủy sản, nơi đóng: tỉnh T, chiều dài lớn nhất: 22,05m, chiều rộng lớn nhất: 6,04m, chiều cao mạn: 3,25m, chiều chìm: 2,80m, mạn khô: 0,45 m, vật liệu vỏ: gỗ-Compozite, tổng dung tích: 92, sức chở tối đa: 55,1 tấn, máy chính: hiệu Mitsubishi S6R, số máy 65545, công suất 898, nơi chế tạo Nhật Bản, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 505/14 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bến Tre cấp ngày 11/9/2014; tàu cá hiệu P, số đăng ký: BT-97037-TS, có đặc điểm kỹ thuật: loại tàu cá, công dụng: khai thác thủy sản, chiều dài lớn nhất: 17,20m, chiều rộng lớn nhất: 4,60m, chiều cao mạn: 1,95m, chiều chìm: 1,50m, mạn khô: 0,45 m, vật liệu vỏ: gỗ, tổng dung tích: 33, sức chở tối đa: 19,6 tấn, máy chính: hiệu Hino 10V26C, số máy A10160, công suất 450, nơi chế tạo Nhật Bản, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 504/14 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bến Tre cấp ngày 11/9/2014. Sau khi vay vốn, do quá trình làm ăn gặp khó khăn nên ông C1 đã không thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết và tính đến hết ngày 30/11/2017 còn nợ lại tổng số tiền là 1.976.020.177 đồng như trình bày của nguyên đơn. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 306 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét việc ông C1 yêu cầu được trả số tiền 1.976.020.177 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng đến khi hết nợ không được phía nguyên đơn đồng ý và xét yêu cầu trên không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông C1 và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468, 470, 317, 318, 319, 320, 500, 501, 502, 688 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấm dứt thực hiện Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201306928/HĐTD ngày 01/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201407937/HĐTD ngày 28/8/2014. Buộc ông Nguyễn Văn C1 và bà Võ Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N (chi nhánh huyện B, tỉnh Bến Tre đại diện nhận) số tiền là 1.976.020.177đ (một tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu hai mươi nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng). Gồm:

- Tiền gốc 1.769.021.151đ (một tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu hai mươi một nghìn một trăm năm mươi một đồng);

- Lãi trong hạn 196.723.632đ (một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng);

- Lãi quá hạn 10.275.394 đồng (mười triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng).

Ngân hàng N (chi nhánh huyện B đại diện) được tiếp tục tính tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 01/12/2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông C1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N (chi nhánh huyện B đại diện) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay nêu trên để thanh toán hết nợ, gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn C1 tại thửa đất 79, tờ bản đồ 21, loại đất ONT, CLN, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP 911732, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H04564, do UBND huyện Ba

Tri cấp ngày 23/11/2009 (theo Hợp đồng thế chấp số 10.01.28.6029/HĐTC ngày 04/5/2010);

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn C1 tại thửa đất 873, tờ bản đồ 21, loại đất ONT, CLN, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV 386471, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH02099, do UBND huyện Ba Tri cấp ngày 12/8/2014 (theo Hợp đồng thế chấp số 45.2014.222/HĐTC ngày 28/8/2014);

- Tàu cá hiệu P, số đăng ký: BT-97073-TS, có đặc điểm kỹ thuật: loại tàu cá; năm đóng: 2007; công dụng: khai thác thủy sản; nơi đóng: tỉnh T; chiều dài lớn nhất: 22,05m; chiều rộng lớn nhất: 6,04m; chiều cao mạn: 3,25m; chiều chìm: 2,80m; mạn khô: 0,45 m; vật liệu vỏ: gỗ-Compozite; tổng dung tích: 92; sức chở tối đa: 55,1 tấn; máy chính: hiệu Mitsubishi S6R, số máy 65545, công suất 898, nơi chế tạo Nhật Bản; giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 505/14 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bến Tre cấp ngày 11/9/2014. Và tàu cá hiệu P, số đăng ký: BT-97037-TS, có đặc điểm kỹ thuật: loại tàu cá; công dụng: khai thác thủy sản; chiều dài lớn nhất: 17,20m; chiều rộng lớn nhất: 4,60m; chiều cao mạn: 1,95m; chiều chìm: 1,50m; mạn khô: 0,45 m; vật liệu vỏ: gỗ; tổng dung tích: 33; sức chở tối đa: 19,6 tấn; máy chính: hiệu Hino 10V26C, số máy A10160, công suất 450, nơi chế tạo Nhật Bản; giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 504/14 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bến Tre cấp ngày 11/9/2014 (theo Hợp đồng thế chấp số 45.2015.029/HĐTC ngày 11/5/2015).

Không chấp nhận việc ông C1, bà T yêu cầu được trả số tiền 1.976.020.177 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 30000.000 đồng đến khi hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn C1 và bà Võ Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí $(36.000.000đ + 3\% \times 1.176.020.177đ)$ là 71.280.605đ (bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn sáu trăm lẻ năm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng N (chi nhánh huyện B, tỉnh Bến Tre đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.640.000đ (ba mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014529 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Chi Cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Lưu.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên